

Bản án số: 72/2023/HS-ST
Ngày 23-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Tư;

Bà Phan Minh Thi;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Nam Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nông Quang C; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 14/4/1993 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T (đã chết); con bà: Âu Thị H (sinh năm 1972); vợ: Hoàng Hồng N (sinh năm 1991); con: có 03 người, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 31/3/2023, tạm giam ngày 06/4/2023, đến ngày 18/4/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hoàng Hồng N; sinh năm: 1991. Vắng mặt.

2. Bà Âu Thị H; sinh năm 1972. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người làm chứng: Anh Lãng Huy H; sinh năm: 1991. Vắng mặt.

Người chứng kiến: Anh Vương Ký L; sinh năm: 1982. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Quang C làm nhân viên (shipper) của Công ty chuyển phát nhanh có địa chỉ tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 16/3/2023 khi đang ngồi uống nước thì Nông Quang C gặp một người đàn ông khoảng 35 tuổi (không biết tên, tuổi, địa chỉ). Trong lúc nói chuyện người đàn ông này đã hỏi Nông Quang C có mua pháo nổ không. Do gần đến dịp lễ tết Thanh Minh (03/3 âm lịch) và đang cần tiền để chuẩn bị cho vợ sắp sinh con nên bị cáo nảy sinh ý định mua pháo về đốt và bán cho người khác nhằm mục đích hưởng lợi. Bị cáo đã thỏa thuận mua với người đàn ông này 01 thùng pháo tếp tương đương số tiền 4.500.000 đồng và 09 giàn pháo hoa nổ, loại 36 quả/01 giàn với giá 300.000 đồng/01 giàn, tương đương số tiền 2.700.000 đồng. Tổng cộng số tiền thỏa thuận mua pháo là 7.200.000 và hẹn khoảng 19 giờ cùng ngày đến địa điểm bãi đất trống ở thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để giao nhận.

Đến 19 giờ cùng ngày, một mình bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12V1 – 01xxx đến gặp người đàn ông chở theo 02 thùng bìa cát tông bên trong có chứa pháo nổ. Sau khi kiểm tra thấy đủ số lượng và đúng loại pháo đã đặt mua, bị cáo đưa 7.200.000 đồng cho người đàn ông này và chở 02 thùng pháo về nhà cất giấu.

Ngày 20/3/2023 khi đến Công ty, bị cáo nói cho Lãng Huy H biết là mình có pháo để đốt dịp tết Thanh Minh, hỏi Lãng Huy H có lấy không thì Lãng Huy H đồng ý mua 02 băng pháo tếp với giá 400.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ ngày 24/3/2023 bị cáo đem 02 băng pháo tếp bán cho Lãng Huy H được số tiền 400.000 đồng. Anh Lãng Huy H thừa nhận việc mua 02 băng pháo tếp với bị cáo và tự nguyện giao nộp 02 bánh pháo có tổng trọng lượng 0,8kg cho Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Ngày 29/3/2023, có đối tượng tên C (không biết chính xác họ tên, tuổi, địa chỉ) đặt mua 01 dàn pháo hoa nổ và 02 băng pháo tếp. Bị cáo đồng ý và hẹn 14 giờ chiều ngày 31/3/2023 sẽ đem pháo đến sân bóng thị trấn Đ, huyện C. Khoảng 13 giờ ngày 31/3/2023, bị cáo giấu số pháo này trong thùng chở hàng rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12V1 – 01xxx chở pháo đi đến thôn K, xã T, huyện V để giao cho C thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt và thu giữ toàn bộ số pháo nêu trên.

Khám xét nơi ở của Nông Quang C phát hiện thu giữ 26 hộp hình khối chữ nhật, kích thước 38 x 04 x 3,8cm bên ngoài bọc giấy nilon màu đỏ; 08 hộp hình khối kích thước 14 x 14 x 14cm bên ngoài dán giấy màu đỏ; 01 cuộn bọc giấy đỏ có chiều dài 2,2m được dính lại với nhau bằng băng keo dính.

Kết quả xác định được tổng trọng lượng pháo nổ bị cáo thực hiện hành vi

mua bán là 26,8kg.

Tại bản Kết luận giám định số 417/KL-KTHS ngày 03/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận, mẫu vật thu giữ của Nông Quang C và Lãng Huy H gửi giám định là loại pháo hoa nổ và pháo nổ.

Tại Cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 12/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo về tội Buôn bán hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65; khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Nông Quang C phạm tội Buôn bán hàng cấm; xử phạt bị cáo Nông Quang C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 đến 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Căn cứ điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tịch thu tiêu hủy 01 giá chở hàng bằng sắt và 01 thùng đựng hàng; trả lại cho chị Hoàng Hồng N 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, trắng, biển kiểm soát 12V1 – 01xxx; truy thu bị cáo số tiền 400.000 đồng thu được do bán pháo cho Lãng Huy H. Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Việc bị cáo mua bán và cất giấu pháo ở nhà chỉ có một mình bị cáo thực hiện, ngoài ra không có ai biết. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe mô tô cho vợ của bị cáo là chị Hoàng Hồng N vì đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, là phương tiện đi lại duy nhất trong gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Âu Thị H (là mẹ của bị cáo) và chị Hoàng Hồng N (là vợ của bị cáo) trình bày: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12V1 – 01xxx là tiền của bà Âu Thị H bỏ ra mua cho bị cáo và chị Hoàng Hồng N làm phương tiện đi lại, lấy tên đăng ký xe là Nông Quang C. Do vậy, bà Âu Thị H và chị Hoàng Hồng N đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe mô tô cho chị Hoàng Hồng N. Việc bị cáo dùng xe đi mua bán pháo nổ, tàng trữ pháo nổ trong nhà bà Âu Thị H và chị Hoàng Hồng N không biết.

Trong phần tranh luận, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận. Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, người chứng kiến vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Ngày 16/3/2023 bị cáo Nông Quang C đã có hành vi mua 7.200.000 đồng tiền pháo nổ đem về nhà cất giấu nhằm mục đích sử dụng và bán kiếm lời. Ngày 24/3/2023, bị cáo đã bán cho anh Lăng Huy H 02 băng pháo nổ với giá 400.000 đồng. Đến ngày 31/3/2023, khi bị cáo đang vận chuyển 01 dàn pháo hoa nổ và 02 băng pháo tếp để bán cho một người tên C thì bị Công an phát hiện, bắt giữ. Số lượng pháo nổ bị cáo Nông Quang C thực hiện hành vi mua bán là 26,8 kg.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống, sức khỏe và tính mạng của con người, môi trường và trật tự an toàn xã hội; ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[5] Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nông Quang C phạm tội Buôn bán hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Bị cáo được chính quyền xã xác nhận có hoàn cảnh khó khăn, bố chết sớm, mẹ bị bệnh tim, đang nuôi ba con nhỏ (con nhỏ nhất sinh tháng 6/2023), đang là lao động chính trong gia đình; tích cực tham gia các hoạt động của địa phương, tham gia ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật.

[9] Xét thấy, ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Bị

cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Xét thấy không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi đang cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp với mức độ, tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[10] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có nghề nghiệp là lao động tự do, thu nhập không ổn định, đang nuôi 03 con nhỏ nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Đối với bà Âu Thị H và chị Hoàng Hồng N không biết việc bị cáo mua bán và cất giấu pháo nổ ở nhà nên không có căn cứ xử lý hình sự.

[12] Đối với người đàn ông bán pháo cho Nông Quang C và người đàn ông tên C đặt mua pháo với bị cáo do không xác định được đầy đủ họ và tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ. Đối với anh Lăng Huy H đã mua pháo với bị cáo đã bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

[13] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ quy định tại điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xét thấy, Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng, tịch thu tiêu hủy khối lượng pháo nổ còn lại sau giám định là đúng quy định. Đối với 01 giá chở hàng bằng sắt, 01 thùng đựng hàng là các vật chứng phục vụ hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 xe mô tô là phương tiện bị cáo sử dụng vào hành vi phạm tội, đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, việc bị cáo sử dụng vào việc phạm tội chị Hoàng Hồng N không biết. Do vậy, cần trả lại xe cho mô tô cho chị Hoàng Hồng N. Đối với số tiền 400.000 đồng là số tiền bị cáo có được do bán pháo cho anh Lăng Huy H, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết nên cần truy thu sung Ngân sách Nhà nước.

[14] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[16] Xét các ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65; điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh

Tuyên bố bị cáo Nông Quang C phạm tội Buôn bán hàng cấm.

2. Về hình phạt

Xử phạt bị cáo Nông Quang C 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/8/2023).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp

3.1. Tịch thu tiêu hủy

- 01 (một) giá chở hàng bằng sắt;
- 01 (một) thùng đựng hàng màu xanh nước biển.

3.2. Trả lại cho chị Hoàng Hồng N

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, trắng, biển kiểm soát 12V1 – 01xxx, số khung RLHJC5237CY001xxx, số máy JC52E5011xxx, xe cũ đã qua sử dụng, yên xe bị rách, yếm xe bị xước nhiều chỗ.

(Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2023 giữa Cán bộ điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn).

3.3. Truy thu bị cáo số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng.

4. Án phí

Bị cáo Nông Quang C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/8/2023). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- CQĐT Công an huyện Văn Lãng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hằng